

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v : Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Anh Quyết;

2. Ông Triệu Quang Trân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án "Hôn nhân & Gia đình" thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Bàn Thị T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nông Văn Đ**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Bàn Thị T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân:** Ngày 15/12/2004, bà kết hôn với ông Nông Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Bà và ông Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên vợ chồng xảy ra cãi vã, tuy nhiên vợ chồng đã nói chuyện và cùng nhau hàn gắn, tiếp tục chung sống. Đến khoảng cuối năm 2021 mâu thuẫn trở nên trầm trọng do ông Đ đi làm Công ty, vợ chồng không sống cùng nhau nên ông Đ ghen tuông và về nhà đánh đập bà. Đồng thời giữa bà và ông Đ có mâu thuẫn về kinh tế, ông Đ không đưa tiền cho bà để chăm lo cho gia đình, con cái học hành. Từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Bà và ông Đ đã không sống cùng nhau đầu năm 2022 cho đến nay. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nông Văn Đ.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà và ông Đ có 02 con chung là Nông Văn H, sinh ngày 26/12/2005 và Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay hai con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013 đến tuổi trưởng thành; bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nông Văn H, sinh ngày 26/12/2005 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Bà xác định không có vay nợ chung.

* *Về phía bị đơn ông Nông Văn Đ*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nông Văn Đ, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và thông báo tại nơi cư trú của ông Đ rất nhiều lần theo quy định tại Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông Đ vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát*: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và nguyên đơn đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bàn Thị T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bàn Thị T được ly hôn ông Nông Văn Đ.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013 cho bà Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung Nông Thị T1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn ông Nông Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông

Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nông Văn H, sinh ngày 26/12/2005 đã đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Đương sự không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nông Văn Đ. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và các thông báo tại nơi cư trú của bị đơn Nông Văn Đ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy, căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bàn Thị T và ông Nông Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Bàn Thị T và ông Nông Văn Đ là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua lời trình bày của nguyên đơn, lấy lời khai của người làm chứng và xác minh tại địa phương thì được biết trong cuộc sống hàng ngày giữa bà T và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã dù đã được bố mẹ khuyên bảo, hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Bà T và ông Đ đã không sống cùng nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Bàn Thị T và ông Nông Văn Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Bàn Thị T và ông Nông Văn Đ có 02 con chung là Nông Văn H, sinh ngày 26/12/2005 và Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013 đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Xét thấy hiện nay cháu H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013 đến

tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho cháu T1, xét thấy việc giao con cho bà T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi cho người chưa thành niên. Sau khi ly hôn, ông Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bàn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Bàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàn Thị T được ly hôn với ông Nông Văn Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao con chung Nông Thị T1, sinh ngày 19/02/2013 cho bà Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Bàn Thị T không yêu cầu ông Nông Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông Nông Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Ông Nông Văn Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung thì bà Bàn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Nông Văn Đ.

Bà Bàn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nông Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Con chung Nông Văn H, sinh ngày 26/12/2005 hiện nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà Bàn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Bàn Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001765,

ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà Bàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vi Hồng Lễ